TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2025/KDTM-ST
Ngày: 24/9/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Chu Mạnh Tường

2/ Ông Phạm Bá Chương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2024/TLST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2579/2025/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty cổ phần T

Địa chỉ: số C đường Đ, phường Đ (trước ngày 01/7/2025 là Phường I, quận P), Thành phố Hồ Chí Minh

Có người đại diện theo ủy quyền:

Ông Quách Đại V - sinh năm 1963 (có mặt)

Ông Nguyễn Đinh Nhật Q - sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: số C đường Đ, phường Đ (trước ngày 01/7/2025 là Phường I, quận P), Thành phố Hồ Chí Minh

(Văn bản ủy quyền số 10/2025/UQTD ngày 12/8/2025 của Công ty cổ phần O)

2/ Bị đơn: Công ty cổ phần Thương mại O

Địa chỉ: Số D đường Đ, phường H (trước ngày 01/7/2025 là phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Có người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Lệ Linh D - sinh năm 1998

Địa chỉ: A ấp T, xã G (trước ngày 01/7/2025 là xã G, huyện T), tỉnh Đồng Nai

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2024, đơn sửa đổi đơn khởi kiện ngày 19/9/2025 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ngày 08/6/2023, Công ty cổ phần T (sau đây viết tắt là Công ty T) đã ký thỏa thuận đặt dịch vụ số PAK.0623.C.001.C với Công ty cổ phần O (sau đây viết tắt là Công ty O) về việc thuê sảnh và đặt tiệc để tổ chức hội nghị vào ngày 16/6/2023 tại Công ty T, tên giao dịch là Trung tâm H1 địa chỉ số C Đ, phường I, quận P (nay là phường Đ), Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền theo hợp đồng là 108.339.000 đồng (giá đã bao gồm 5% phí phục vụ và 10% VAT). Ngày 08/6/2023, Công ty O đã đặt cọc 50.000.000 đồng và ngày 16/6/2023 thanh toán 20.000.000 đồng.

Ngày 16/6/2023, Công ty O đã sử dụng dịch vụ nhưng không thanh toán số tiền là 44.114.000 đồng (bao gồm số tiền còn lại theo hợp đồng là 38.339.000 đồng và số tiền phát sinh sau tiệc do mang thức ăn bên ngoài vào sử dụng có phụ thu và màn hình karaoke là 5.775.000 đồng). Trong quá trình Công ty T yêu cầu Công ty O thanh toán công nợ thì Công ty O cho rằng màn hình led bị tắt 2 phút trong quá trình Công ty T cung cấp dịch vụ và đề nghị giảm 10.000.000 đồng. Công ty T đồng ý giảm 10.000.000 đồng nhưng Công ty O vẫn không thanh toán số tiền còn lại. Việc cung cấp màn hình led là phần khuyến mãi tặng thêm, không thuộc phạm vi hợp đồng, tuy nhiên Công ty T vẫn hỗ trợ khách hàng nên đồng ý giảm 10.000.000 đồng, số tiền công nợ còn lại là 34.114.000 đồng.

Do Công ty O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T đã khởi kiện yêu cầu Công ty O thanh toán số tiền còn nợ là 34.114.000 đồng. Tuy nhiên, do người xác nhận khoản phát sinh thêm sau tiệc không phải là người đại diện theo pháp luật của bị đơn nên nay Công ty T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với

phần chi phí phát sinh sau tiệc là 5.775.000 đồng. Công ty T chỉ yêu cầu Công ty O thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng là 28.339.000 đồng.

Công ty O đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút, phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại hợp đồng dịch vụ, Công ty O xác định địa chỉ tại số D đường Đ, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào kết quả xác minh thông tin đăng ký doanh nghiệp của Sở Tài chính Thành phố H thì Công ty O có địa chỉ trụ sở chính tại địa chỉ trên. Căn cứ văn bản số 1605/UBND ngày 10/12/2024 của Ủy ban nhân dân phường H cung cấp thông tin cho biết Công ty O có treo bảng hiệu, tuy nhiên Công ty O thực tế không hoạt động, không có nhân viên làm việc tại địa chỉ số D đường Đ, phường H, thành phố T. Do đó, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân

khu vực nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn Công ty O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty O thanh toán phần chi phí phát sinh sau tiệc là 5.775.000 đồng. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định:

Ngày 08/6/2023, Công ty T và Công ty O đã ký kết hợp đồng dịch vụ số PAK.0623.C.001.C về việc Công ty O thuê sảnh và đặt tiệc của Công ty T để tổ chức hội nghị vào ngày 16/6/2023. Tổng số tiền theo hợp đồng là 108.339.000 đồng (giá đã bao gồm 5% phí phục vụ và 10% VAT).

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại Điều 119, Điều 385, Điều 388, Điều 398, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 74, Điều 78, Điều 82, Điều 85 và Điều 87 Luật Thương mại năm 2005 nên việc xác lập giao dịch này của các bên có giá trị pháp lý, đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

Theo thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng, việc thanh toán chia làm 02 đợt, đợt 1: Công ty O thanh toán 76.000.000 đồng ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng, đợt 2: thanh toán số tiền còn lại trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu và Công ty T cung cấp hóa đơn hợp lệ.

Ngày 16/6/2023, Công ty O đã sử dụng dịch vụ do Công ty T cung cấp và thanh toán 70.000.000 đồng. Ngày 30/6/2023, Công ty T đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 481 cho Công ty O. Trong quá trình sử dụng dịch vụ có phát sinh sự cố màn hình led bị tắt 2 phút, tuy nhiên thỏa thuận tại hợp đồng thì màn hình led

là phần ưu đãi, khuyến mãi tặng kèm, không thuộc về quyền và nghĩa vụ của Công ty T mà hai bên đã thỏa thuận. Công ty T đã trừ 10.000.000 đồng để thể hiện thiện chí là phù hợp. Số tiền còn lại là 28.339.000 đồng Công ty O chưa thanh toán. Do Công ty O chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ là 28.339.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty T được chấp nhận nên bị đơn Công ty O phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty T.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 119, Điều 385, Điều 388, Điều 398, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 74, Điều 78, Điều 82, Điều 85 và Điều 87 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T đối với phần yêu cầu Công ty cổ phần O thanh toán chi phí phát sinh sau tiệc là 5.775.000 (năm triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T:

Buộc Công ty cổ phần O thanh toán cho Công ty cổ phần T số tiền còn nợ của hợp đồng dịch vụ số PAK.0623.C.001.C ký ngày 08/6/2023 là 28.339.000 (hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi chín ngàn) đồng.

Kể từ ngày Công ty cổ phần T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần O còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần O phải nộp 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần T số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 (ba triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0043367 ngày 26/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần O có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 2 - TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thủy